

Chỉ đạo nội dung:

Thượng tá, Thạc sỹ Mạc Thùy Dương

Biên tập:

Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:

Đại úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:

Trung úy, Kỹ sư Nguyễn Văn Nam

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về, Thư viện Quân đội biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 3 - 2023.

Thư mục gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.
- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Hà Nội
Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com

Website: Thuvienquandoi.vn

Tvqd.bqp

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Bác Hồ - Tấm gương sáng về đọc sách và tự học/ Ánh Dương biên soạn.* - H.: Thanh niên, 2022. - 199tr.; 21cm.

**028.809597 B101H/M.0180726 - M.0180727; MP.0040198;
VN.0083496 - VN.0083497**

002. *Báo chí tham gia phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay:*
Luận án tiến sĩ Chính trị học: 62310201/ *Cao Thị Dung.* - H.: Học viện
Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 226tr.; 30cm + + Phụ lục

070.44909597 B108C/LV.00010159

003. *Hành trang vào cuộc sống:* Cuộc thi đại sứ Văn hóa đọc năm 2020/
Vũ Dương Thúy Nga chủ biên. - H.: Đại học Sư phạm, 2022. - 212tr.;
19cm.

028.5509597 H107T/M.0181175 - M.0181176

004. *Life 3.0:* Loài người trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo/ *Max Tegmark;*
Ng. dịch: Hiếu Trần, Thảo Trần. - H.: Thế Giới, 2019. - 460tr.; 24cm.

006.301 L309B/M.0181287 - M.0181288; MP.0040489

005. *Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý tài chính.* - H.:
Quân đội nhân dân, 2022. - 424tr.; 27cm.

005.3 T103L/LCV.0002789 - LCV.0002790

**006. *Tìm hiểu công tác phát triển vốn tài liệu của Thư viện Trung ương
Quân đội:*** Khóa luận tốt nghiệp Thông tin thư viện/ *Bùi Thị Thanh
Huyền.* - H.: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, 2003. - 70tr.;
30cm + phụ lục

027 T310H/LV.00010154

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

007. *Lên tàu cùng Socrates*: Đi tìm ý nghĩa cuộc sống từ các triết gia/
Eric Weiner; Lê Hải Dung dịch. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb.
Trẻ, 2022. - 419tr.; 23cm.

**102 L254T/M.0180364 - M.0180365; VV.0019226 -
VV.0019227**

120 – Tri thức luận, quan hệ nhân quả, nhân loại

008. *Chuyện tình yêu bạn biết được bao nhiêu*/ Th.S. Dawn Maslar; Huy
Đức dịch. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 284tr.; 21cm.

**152.41 Ch527T/M.0180638 - M.0180639; MP.0040114 -
MP.0040115**

009. *EQ từ âm vô cực đến dương vô cùng*/ Nao Takayama; Đình Quang
Khải dịch. - H.: Thanh niên, 2021. - 322tr.; 21cm.

152.4 E206T/M.0181028 - M.0181029; MP.0040438

010. *Luật tâm thức*: Giải mã ma trận vũ trụ/ *Ngô Sa Thạch.* - H.: Dân trí,
2021. - 404tr.; 24cm.

120 L504T/M.0181191 - M.0181192

150 – Tâm lý học

011. *Bài học từ sự thất bại.* - H.: Dân trí, 2022. - 200tr.; 21cm.

**158.1 B103H/M.0180720 - M.0180721; MP.0040193 -
MP.0040194**

012. *Chữa lành sau sang chấn = How to do the work*: Ứng dụng tâm lý
học toàn diện để chữa lành tổn thương/ *Nicole Lepera; Bùi Trần Ca Dao
dịch.* - H.: Thế giới, 2022. - 360tr.; 24cm.

**158 Ch551L/M.0181012 - M.0181013; MP.0040427;
VV.0019371 - VV.0019372**

013. *Giao tiếp bất bạo động = Nonviolent communication/* Marshall B. Rosenberg; Lê Nguyễn Trần Huỳnh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 265tr.; 21cm.

153.6

Gi-108T/M.0181032 - M.0181033; MP.0040440

014. *Kỹ năng ra quyết định sáng suốt = One decision/* Mike Bayer; Hoàng Di dịch. - H.: Dân trí, 2021. - 249tr.; 24cm.

153.83

K600N/M.0181253 - M.0181254

015. *Một ý niệm về nỗi buồn/* Ron Marasco, Brian Shuff; SUGAholiC dịch. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 276tr.; 21cm.

155.937

M458Y/M.0180624 - M.0180625; MP.0040100 - MP.0040101

016. *Tư duy tích cực thay đổi cuộc sống/* Trần Đình Hoàn. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 361tr.; 23cm.

158.1

T550D/M.0180770 - M.0180771; MP.0040226 - MP.0040227

170 – Đạo đức học

017. *Cẩm nang rèn luyện 5 phẩm chất cho học sinh cấp trung học cơ sở:* Dành cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh/ Nguyễn Trọng Sửu, Nguyễn Thị Xiêm chủ biên, Trịnh Hồng Vân.... - H.: Dân trí, 2021. - 96tr.; 23cm.

170.0712

C120N/M.0181155 - M.0181156

018. *Cẩm nang rèn luyện 5 phẩm chất cho học sinh cấp trung học phổ thông:* Dành cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh/ Nguyễn Trọng Sửu, Nguyễn Thị Xiêm chủ biên, Nguyễn Ngọc Dung.... - H.: Dân trí, 2021. - 150tr.; 23cm.

170.0712

C120N/M.0181157 - M.0181158

019. *Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng nhân cách thanh*

niên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220302/ *Nguyễn Thị Minh Hạnh*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 164tr.; 30cm ++ Phụ lục

170 Gi-100T/LV.00010155

020. *Nâng cao đạo đức công vụ cho cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân Việt Nam hiện nay*: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220302/ *Vũ Văn Điệp*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 166tr.; 30cm ++ Phụ lục

174.09597 N122C/LV.00010137

200 - TÔN GIÁO

021. *Đức Phật trên cõi phù du/ Thích Phước An*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 325tr.; 21cm.

294.3444 Đ552P/M.0180798 - M.0180799; MP.0040252 - MP.0040253

022. *Tác động của một số xu hướng biến đổi tôn giáo đến đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220302/ *Bùi Thị Thủy*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 162tr.; 30cm + phụ lục

204.409597 T101Đ/LV.00010147

023. *Thiền học Việt Nam/ Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 469tr.; 24cm.

294.392709597 Th305H/M.0180772 - M.0180773; MP.0040228 - MP.0040229; VV.0019285 - VV.0019286

024. *Trí tuệ của sự tha thứ = The wisdom of forgiveness/ Đức Đạt Lai Lạt Ma, Victor Chan; Phạm Quốc Anh dịch*. - H.: Thế giới, 2022. - 258tr.; 21cm.

294.3923092 Tr300T/M.0181040 - M.0181041; MP.0040444; VN.0083614 - VN.0083615

025. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tôn giáo ở huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Chu Tuấn Anh*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 121tr.; 30cm + Phụ lục

294 V121D/LV.00010217

026. Vì sao Phật giáo giàu chân lý? = *Why Buddhism is true*: Đạo Phật dưới góc nhìn khoa học và triết học/ *Robert Wright; Du Lê dịch*. - H.: Thế giới, 2022. - 418tr.; 21cm.

294.342 V300S/M.0181034 - M.0181035; MP.0040441; VN.0083610 - VN.0083611

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

027. Ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ tới các quốc gia Đông Nam Á hải đảo: Trường hợp Indonesia và Malaysia : Sách chuyên khảo/ *Phạm Thanh Tịnh chủ biên*. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 267tr.; 21cm.

306.40954 A107H/M.0181036 - M.0181037; MP.0040442; VN.0083612 - VN.0083613

028. Covid-19: Đại dịch đáng lẽ không bao giờ xảy ra và làm cách nào để ngăn chặn đại dịch kế tiếp/ *Debora Mackenzie; Trịnh Vĩnh Lộc dịch*. - H.: Thế giới, 2021. - 376tr.; 21cm.

303.485 C435M/M.0180280 - M.0180281; MP.0039752 - MP.0039753; VN.0082475 - VN.0082476

029. Covid-19 và cuộc chiến sinh tử. - H.: Văn học, 2021. - 275tr.; 21cm.

302.09597 C435V/M.0180316 - M.0180317; MP.0039788 - MP.0039789

030. Công dân toàn cầu - Công dân vũ trụ/ *Phan Văn Trường*. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 188tr.; 23cm.

301 C455D/M.0180372 - M.0180373; MP.0039842 - MP.0039843

031. *Dư luận nữ quyền tại Huế (1926-1929) trên sách báo đương thời.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 546tr.; 21cm.. - (Phụ nữ từng thư - Tủ sách giới Phát triển)

**305.0959749 D550L/M.0180810 - M.0180811;
MP.0040214 - MP.0040215; VN.0083592 - VN.0083593**

032. *Đặc điểm của ngôn ngữ cử chỉ trong giao tiếp của người Việt hiện nay/ Nguyễn Thị Phương chủ biên.* - H.: Dân trí, 2021. - 254tr.; 24cm.

**302.222 Đ113Đ/M.0181295 - M.0181296; VV.0019459 -
VV.0019460**

033. *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người/ Nguyễn Từ Chi.* - H.: Văn Hóa Dân Tộc, 2020. - 635tr.; 24cm.

**305.8009597 G434P/M.0181315 - M.0181316;
VV.0019469 - VV.0019470**

034. *Hảo nữ Trung Hoa/ Hân Nhiên; Tạ Huyền dịch.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 354tr.; 21cm.

**305.420951 H108N/M.0180288 - M.0180289; MP.0039760 -
MP.0039761**

035. *Kỹ năng nói chuyện với mọi người ở mọi nơi, mọi lúc: Bí quyết thành công trong giao tiếp/ Larry King, Bill Gilbert; Ng.dịch: Thúy Hà, Huệ Chi.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 279tr.; 20cm.

**302.346 K600N/M.0180802 - M.0180803; MP.0040256 -
MP.0040257**

036. *Phát huy giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam trong xây dựng gia đình sĩ quan trẻ quân đội hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229008/ Nguyễn Việt Tiến.* - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 213tr.; 30cm
+ + Phụ lục

306.8509597 Ph110H/LV.00010233

037. *Phát triển con người vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam - Một số*

vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đình Tuấn chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2021. - 568tr.; 24cm.

301.09597 Ph110T/M.0181014 - M.0181015; MP.0040428; VV.0019373 - VV.0019374

038. Phụ nữ Việt Nam những khoảnh khắc = Vietnamese women extraordinary moments history. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 187tr.; 26cm.

305.409597 Ph500N/M.0180780 - M.0180781; MP.0040236 - MP.0040237; VV.0019287 - VV.0019288

039. Thực hiện chính sách dân tộc ở các tỉnh miền Bắc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay: Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 62220308/ *Eryso Phantivong.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 165tr.; 30cm + + Phụ lục

305.809594 Th552H/LV.00010169

040. Tư tưởng Alvin Toffler về vai trò trí thức và ý nghĩa của nó đối với phát triển nguồn trí lực ở Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220302/ *Dương Thị Hương.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 165tr.; 30cm + + Phụ lục

305.552 T550T/LV.00010157

050. Vai trò nhân tố chủ quan trong phát huy di sản văn hóa ở Tuyên Quang hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Trần Quang Huy.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 197tr.; 30cm + + Phụ lục

306.09597 V103T/LV.00010187

051. Văn hóa ứng xử của người Việt Nam hiện nay trong không gian công cộng/ *Trịnh Văn Tùng chủ biên.* - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 484tr.; 24cm.

306.09597 V115H/M.0181311 - M.0181312; VV.0019467 - VV.0019468

052. Vấn đề phụ nữ nước ta/ *Nguyễn Văn Vĩnh; Sư tâm, biên soạn: Đoàn*

Ánh Dương, Nguyễn Đào Nguyên. - Tái bản lần 2. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 499tr.; 21cm.. - (Phụ nữ thùng thư - Tủ sách Giới Phát triển)
305.409597 V121Đ/M.0180808 - M.0180809; MP.0040260 - MP.0040261; VN.0083590 - VN.0083591

320 – Khoa học Chính trị

053. *Cẩm nang công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.* - H.: Lao động, 2022. - 390tr.; 28cm.
320.9597 C120N/M.0180506 - M.0180507; VV.0019236 - VV.0019237

054. *Chủ quyền biển đảo Việt Nam xưa và nay/ Lê Thái Dũng biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 215tr.; 21cm.
320.1509597 Ch500Q/M.0180532 - M.0180533; MP.0040008 - MP.0040009; VN.0083469 - VN.0083470

055. *Đảng lãnh đạo đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015:* Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ *Nguyễn Hữu Tuấn.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 222tr.; 30cm + + Phụ lục
320.9597 Đ106L/LV.00010227

056. *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận và triển vọng thực tiễn ở Việt Nam:* Luận án tiến sĩ Chính trị học: 62310201/ *Mai Thị Hồng Liên.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 165tr.; 30cm + phụ lục
320.109597 Nh100N/LV.00010141

057. *Những điều cần biết về Luật biển Quốc tế và Luật biển Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 219tr.; 21cm.
320.15 Nh556Đ/M.0180534 - M.0180535; MP.0040010 - MP.0040011; VN.0083471 - VN.0083472

058. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới.* - H.: Tài chính, 2022. - 381tr.; 27cm.

320.1509597 V121D/M.0180986 - M.0180987;
MP.0040416 - MP.0040417; VV.0019347 - VV.0019348

059. Vấn đề nhà nước pháp quyền trong tư tưởng Jonh Locke và ý nghĩa hiện thời của nó đối với Việt Nam: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220303/ Ngô Khắc Sơn. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 159tr.; 30cm ++ Phụ lục
320.1 V121Đ/LV.00010150

324 - Quá trình chính trị

060. Ấn Độ trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Xuân Trung chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 367tr.; 24cm.
327.1140954 Á121Đ/M.0181016 - M.0181017;
MP.0040429; VV.0019375 - VV.0019376

061. Bồi dưỡng năng lực công tác xây dựng Đảng của đội ngũ bí thư chi bộ ban hậu cần trung đoàn bộ binh trong quân đội hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Lương Tiến Lực. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 210tr.; 30cm ++ Phụ lục
324.2597075 B452D/LV.00010190

062. Biến động trật tự thế giới giai đoạn 2017-2020: Thông tin chuyên đề/ Đồng chủ biên: Vũ Hùng Cường, Nguyễn Thị Lê. - H.: Khoa học xã hội, 2021. - 235tr.; 24cm.
327.172 B305Đ/M.0181010 - M.0181011; MP.0040426,
MP.0040437; VV.0019369 - VV.0019370

063. Chất lượng lãnh đạo xây dựng khu vực phòng thủ của các tỉnh ủy, thành ủy trên địa bàn Quân khu 7 hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Nguyễn Văn Dương. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 185tr.; 30cm ++ Phụ lục
324.2597075 Ch124L/LV.00010209

064. Chất lượng lãnh đạo xây dựng môi trường văn hóa của các đảng ủy học viện, trường sĩ quan quân đội giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Đỗ Đức Giang. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 193tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Ch124L/LV.00010192

065. Công tác dân vận của Đảng bộ Liên khu Việt Bắc từ tháng 10 - 1949 đến tháng 7 - 1954: Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 62220315/ Vũ Thái Dũng. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017. - 197tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

C455T/LV.00010136

066. Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ Nguyễn Phấn Đầu. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 182tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

C455T/LV.00010142

067. Công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên trong đảng bộ, chi bộ và tuyển chọn, tham khảo các bài diễn văn khai mạc, bế mạc hội nghị trong tổ chức đảng. - H.: Thế giới, 2022. - 383tr.; 27cm.

324.2597075

C455T/M.0180966 - M.0180967;

MP.0040396 - MP.0040397; VV.0019327 - VV.0019328

068. Đảng bộ Quân chủng Phòng không - Không quân lãnh đạo công tác xây dựng cơ sở đảng từ năm 2005 đến năm 2015: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ Khuất Văn Hùng. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 227tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.00010172

069. Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ Hoàng Công Vũ. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 247tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.00010178

070. Đảng bộ tỉnh Hải Dương lãnh đạo phát triển khu công nghiệp từ năm 2005 đến năm 2015: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ Nguyễn Đức Hùng. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 201tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.00010223

071. Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện an sinh xã hội từ năm 2005 đến năm 2015: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ Trần Thùy Linh. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 211tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.00010204

072. Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2015: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ Nguyễn Thế Thái. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 211tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106B/LV.00010232

073. Đảng Cộng sản Việt Nam chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 62310203/ Đặng Văn Tin. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 194tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106C/LV.00010171

074. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác bảo vệ môi trường giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 62310203/ Trần Thị Hà Vân. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 192tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106C/LV.00010164

075. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở từ năm 1998 đến năm 2015: Luận án tiến sĩ Lịch sử: 9229015/ Ngô Văn Sỹ. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 208tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

Đ106C/LV.00010224

076. Đảng lãnh đạo tranh thủ các khả năng hòa bình trong kháng chiến chống thực dân pháp (1945 - 1954): Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng

Cộng sản Việt Nam: 62220315/ *Vũ Thị Hồng Dung*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 211tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

Đ106L/LV.00010151

077. *Đổi mới đánh giá cán bộ cấp cơ sở ở các đảng bộ học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay*: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Nguyễn Văn Thường*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 216tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

Đ452M/LV.00010180

078. *Đổi mới phương thức công tác tư tưởng ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay*: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Đỗ Quang Lưu*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 189tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

Đ452M/LV.00010183

079. *Hơn cả lòng trung thành/ James Comey; Trần Trọng Hải Minh dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 333tr.; 24cm.

324.273

H464C/M.0181181 - M.0181182; VV.0019405 -

VV.0019406

080. *Lịch sử Công tác đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 5 (2000 - 2020)/ Võ Văn Hưng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 536tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016512 - LC.0016513;

MP.0039918 - MP.0039919; VN.0083401 - VN.0083402

081. *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Đông Hải (1985 - 2015)/ Trần Diên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 175tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016620; MP.0039940 -

MP.0039941; VN.0083427 - VN.0083428

082. *Lịch sử Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Phường 5 - Gò Vấp (1930 -2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 308tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016606; MP.0039932 -

MP.0039933; VN.0083415 - VN.0083416

083. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng Đảng giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 62310203/ *Trương Minh Luân*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 200tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

M118T/LV.00010162

084. Nâng cao chất lượng công tác cán bộ của cấp ủy cơ sở ở các đảng bộ học viện, trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Nguyễn Kim Hùng*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 221tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010174

085. Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương ở các tỉnh trên địa bàn Quân khu I hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Lê Hồng Tư*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 208tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010182

086. Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu ở các lữ đoàn tàu của Quân chủng Hải quân hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Phạm Văn Hào*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 195tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010205

087. Nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh tư tưởng lý luận của đảng ủy học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Nguyễn Văn Yên*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 201tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010196

088. Nâng cao chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ đào tạo sau đại học của các đảng ủy, học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Lê Viết Thông*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 221tr.; 30cm ++ Phụ lục

324.2597075

N122C/LV.00010179

089. Nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới: Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 62310203/ Nguyễn Trung Thanh. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 166tr.; 30cm + + Phụ lục

324.2597075

N452D/LV.00010158

090. Quy định mới về trách nhiệm của đảng viên - Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các cơ sở đảng, đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn và nhân dân nơi cư trú. - H.: Hồng Đức, 2022. - 397tr.; 27cm.

324.2597075

Qu600Đ/M.0180968 - M.0180969;

MP.0040398 - MP.0040399; VV.0019329 - VV.0019330

091. Quy định những điều Đảng viên không được làm và xử lý kỷ luật các vi phạm của cán bộ, Đảng viên. - H.: Hồng Đức, 2021. - 399tr.; 27cm.

324.2597075

Qu600Đ/M.0180976 - M.0180977;

MP.0040404 - MP.0040405; VV.0019335 - VV.0019336

092. Quy định thi hành Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng. - H.: Hồng Đức, 2021. - 399tr.; 27cm.

324.2597075

Qu600Đ/M.0180988 - M.0180989;

MP.0040418 - MP.0040419; VV.0019349 - VV.0019350

093. Quy định về tiếp nhận đơn thư, giám sát, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, chính đồn và xây dựng đảng. - H.: Thế giới, 2019. - 367tr.; 27cm.

324.2597075

Qu600Đ/M.0180980 - M.0180981;

MP.0040410 - MP.0040411; VV.0019341 - VV.0019342

094. Sổ tay công tác đảng, hướng dẫn thực hiện biểu mẫu thống kê cơ bản về công tác tổ chức xây dựng Đảng. - H.: Hồng Đức, 2022. - 396tr.; 27cm.

324.2597075 S450T/M.0180970 - M.0180971;
MP.0040400 - MP.0040401; VV.0019331 - VV.0019332

095. Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới trong quân đội/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 368tr.; 21cm.

324.2597075 T103L/LC.0016655 - LC.0016656;
MP.0040334; VN.0083584 - VN.0083585

096. Tài liệu tuyên truyền Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. - H.: Hồng Đức, 2022. - 399tr.; 27cm.

324.2597075 T103L/M.0180990 - M.0180991;
MP.0040420 - MP.0040421; VV.0019351 - VV.0019352

330 - Kinh tế học

097. Kinh tế biển ở vùng Tây Nam của Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế: Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị: 62310102/ *Phạm Văn Quang.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 217tr.; 30cm + + Phụ lục

333.916409597 K312T/LV.00010144

098. Tác động của nợ công đến an ninh kinh tế ở Việt Nam: Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị: 62310102/ *Trần Trung Hải.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 200tr.; 30cm + phụ lục

330.9597 T101Đ/LV.00010148

331 – Kinh tế học lao động

099. Những cú nhảy nghề nghiệp: Ký sự chân dung của Lê Minh/ *Lê Minh.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2019; 21cm.

T.1: Đam mê có thể giết chết bạn như thế nào? . - 263tr.

**331.7020922597 Nh556C/M.0180796 - M.0180797;
MP.0040250 - MP.0040251**

T.2: Giờ là lúc sống giấc mơ đời mình. - 411tr.

**331.7020922597 Nh556C/M.0180794 - M.0180795;
MP.0040248 - MP.0040249**

100. Thử thách 52 nghề: Mỗi tuần 1 nghề bạn có dám không?/ *Sean Aiken; Nguyễn Minh Nhật dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2019. - 415tr.; 23cm.. - (Tủ sách hướng nghiệp)

**331.702 Th550T/M.0180766 - M.0180767; MP.0040222 -
MP.0040223**

332 – Kinh tế học tài chính

101. Gia tộc Morgan: Một triều đại ngân hàng Mỹ và sự trỗi dậy của nền tài chính hiện đại/ *Ron Chernow; Ninh Phạm dịch.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Thế Giới, 2022. - 1091tr.; 24cm.

**332.12097471 Gi-100T/M.0181283 - M.0181284;
VV.0019451 - VV.0019452**

102. Kiếm tiền thời khủng hoảng: Thoát khỏi các trò lừa đảo khi thị trường chứng khoán, bất động sản và tài chính suy thoái/ *Martin D. Weiss; Ng.dịch: Nguyễn Ngọc Toàn, Trần Hoàng Anh.* - Tái bản lần thứ 5. - H.: Công Thương, 2022. - 392tr.; 24cm.

332.6 K304T/M.0181301 - M.0181302

103. Lời thú tội mới của một sát thủ kinh tế/ John Perkins; Ng.dịch: Lê Hồng Tâm, Vũ Thị Thanh Tâm. - Tái bản lần thứ 5. - H.: Dân trí, 2022. - 473tr.; 24cm.

**332.042092 L462T/M.0181185 - M.0181186; VV.0019407 -
VV.0019408**

104. Rón rén gửi tiền tiết kiệm không bằng mạnh dạn đầu tư: Nghề

thuật quản lý tài chính giúp bạn đầu tư đầu trúng đó/ *Trần Phi Quyên; Nguyễn Thúy An dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 194tr.; 21cm.

332.024 R429R/M.0180800 - M.0180801; MP.0040254 - MP.0040255

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

105. Bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học và một số vấn đề cần bảo vệ, bổ sung, phát triển trong giai đoạn hiện nay/ Chủ biên: Lê Xuân Thủy, Nguyễn Kiêm Viện. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 400tr.; 24cm.

335.43 B105C/LCV.0002805 - LCV.0002806; M.0180922 - M.0180923; MP.0040360; VV.0019323 - VV.0019324

106. Chủ tịch Hồ Chí Minh khát vọng độc lập dân tộc và phát triển đất nước. - H.: Hồng Đức, 2021. - 394tr.; 27cm.

335.4346 Ch500T/M.0180982 - M.0180983; MP.0040412 - MP.0040413; VV.0019343 - VV.0019344

107. Chuyên đề học và làm theo Bác năm 2021 và giai đoạn 2021-2026: "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc". - H.: Hồng Đức, 2021. - 398tr.; 27cm.

335.4346 Ch527Đ/M.0180992 - M.0180993; MP.0040422 - MP.0040423; VV.0019353 - VV.0019354

108. Đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay: Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ *Nguyễn Văn Đạo.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 186tr.; 30cm + phụ lục

335.4346 Đ125T/LV.00010153

109. Học và làm theo phong cách lãnh đạo gần dân, vì dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - H.: Hồng Đức, 2021. - 399tr.; 27cm.

335.4346 H419V/M.0180974 - M.0180975; MP.0040406 -
MP.0040407; VV.0019337 - VV.0019338

110. *Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho học viên ở Trường Quân sự Quân khu 3 hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh:* Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Hoàng Quốc Hùng*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 103tr.; 30cm ++ Phụ lục
335.0071597 N122C/LV.00010214

111. *Những điểm tương đồng và khác biệt giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản - Ý nghĩa đối với Việt Nam hiện nay:* Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 62220308/ *Lê Thị Thu Mai*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 158tr.; 30cm ++ Phụ lục
335.5 Nh556Đ/LV.00010165

112. *Phát huy giá trị nhân văn quân sự Việt Nam trong xây dựng nhân cách hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Trịnh Khắc Mừng*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 202tr.; 30cm ++ Phụ lục
335.009597 Ph110H/LV.00010201

113. *Phát huy sức mạnh tinh thần yêu nước Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.* - H.: Tài chính, 2021. - 390tr.; 27cm.
335.4346 Ph110H/M.0180984 - M.0180985; MP.0040414 -
MP.0040415; VV.0019345 - VV.0019346

114. *Tư tưởng pháp quyền Hồ Chí Minh:* Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ *Nguyễn Đắc Dũng*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 156tr.; 30cm ++ Phụ lục
335.4346 T550T/LV.00010152

115. *Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay:* Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ *Hoàng Diệu Thúy*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 162tr.; 30cm ++ Phụ lục
335.4346 V115H/LV.00010160

115. *Hành trình nhân loại = The journey of humanity: the origins of wealth and inequality*: Nguồn gốc của thịnh vượng và bất bình đẳng/
Oded Galor; Ng. dịch: *Trần Thị Kim Chi, Đỗ Ngọc Quỳnh Chi*. - H.: Dân trí, 2022. - 297tr.; 24cm.

338.9001 H107T/M.0181265 - M.0181266; VV.0019425 - VV.0019426

116. *Một số chính sách kinh tế của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump*/ *Lê Thị Vân Nga* chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 315tr.; 21cm.

338.973 M458S/M.0181030 - M.0181031; MP.0040439; VN.0083608 - VN.0083609

117. *Ảnh hưởng của công giáo trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên hiện nay*: Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 60220308/ *Lê Thị Liên*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 194tr.; 30cm + + Phụ lục

338.95976 A107H/LV.00010145

118. *Nhà nước khởi tạo*: Giải những huyền thoại về vai trò của nhà nước và khu vực tư nhân/ *Mariana Mazzucato*; *Ngô Thị Ngọc Bích* dịch. - H.: Dân trí, 2021. - 327tr.; 23cm.

338.04 Nh100N/M.0181277 - M.0181278; VV.0019447 - VV.0019448

119. *Những công ty đáng trân trọng nhất nước Nhật*/ *Koji Sakamoto*; *Nhóm dịch: Nomudas*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021; 24cm.. - (Bí quyết thành công của doanh nghiệp vừa và nhỏ)

T.1. - 183tr.

338.70952 Nh556C/M.0180764 - M.0180765; MP.0040220 - MP.0040221

T.2. - 222tr.

338.70952 Nh556C/M.0180762 - M.0180763; MP.0040218 -
MP.0040219

T.3. - 244tr.
338.70952 Nh556C/M.0180760 - M.0180761; MP.0040216 -
MP.0040217

120. *Sự thịnh vượng của các quốc gia/ Adam Smith; Vương Tùng Thư dịch.* - H.: Thanh niên, 2022. - 319tr.; 21cm.

338.9 S550T/M.0180724 - M.0180725; MP.0040197;
VN.0083494 - VN.0083495

121. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đời sống mới vào xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh hiện nay:* Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Nguyễn Hồng Nhật. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 162tr.; 30cm + + Phụ lục

338.109597 V121D/LV.00010222

340 – Luật pháp

122. *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các văn bản hướng dẫn thi hành.* - H.: Thanh niên, 2022. - 553tr.; 27cm.

345.597 B450L/M.0180502 - M.0180503; VV.0019232 -
VV.0019233

123. *Cá nhân trong nước An Nam xưa:* Tổng luận luật thời Lê/ Nguyễn Mạnh Tường; Tiết Hùng Thái dịch. - H.: Hồng Đức, 2022. - 439tr.; 24cm.

349.597 C100N/M.0181018 - M.0181019; MP.0040430;
VV.0019377 - VV.0019378

124. *Cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện pháp luật về Chủ tịch nước ở Việt Nam:* Luận án tiến sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 62380101/ Đỗ Tiến Dũng. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 186tr.; 30cm + + Phụ lục

342.597052 C460S/LV.00010140

125. *Kỹ năng hành nghề luật sư tư vấn*: Chia sẻ kinh nghiệm hành nghề thực tế tại Việt Nam/ *Trương Nhật Quang*. - H.: Dân trí, 2022. - 372tr.; 24cm.

340.023 K600N/M.0181171 - M.0181172

126. *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tòa án nhân dân quận, huyện ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Trương Như Thủy*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 203tr.; 30cm ++ Phụ lục

347.59701 N122C/LV.00010197

127. *Pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ *Tô Văn Châu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 203tr.; 21cm.

342.597064 Ph109L/LC.0016523 - LC.0016524; M.0180444 - M.0180445; MP.0039937; VN.0083421 - VN.0083422

128. *Quy trình tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập*. - H.: Hồng Đức, 2022. - 399tr.; 27cm.

342.597 Qu600T/M.0180510 - M.0180511; VV.0019240 - VV.0019241

129. *Sổ tay công tác dành cho chỉ huy, phó chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự - Quy định mới về luật quốc phòng an ninh, luật dân quân tự vệ và công tác thi đua, khen thưởng*. - H.: Lao động, 2019. - 367tr.; 27cm.

343.59701 S450T/M.0180514 - M.0180515; MP.0039990; VV.0019242 - VV.0019243

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

130. Bộ luật Lao động - Chế độ, chính sách mới hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động năm 2022. - H.: Hồng Đức, 2021. - 400tr.; 27cm.

344.59701 B450L/M.0180504 - M.0180505; VV.0019234 - VV.0019235

131. Luật Cảnh sát cơ động và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Phương Linh. - H.: Thanh niên, 2022. - 159tr.; 19cm.

344.59705 L504C/M.0180736 - M.0180737; MP.0040203; VN.0083506 - VN.0083507

132. Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H.: Hồng Đức, 2021. - 203tr.; 19cm.

344.5970767 L504G/M.0180536 - M.0180537; MP.0040012 - MP.0040013; VN.0083473 - VN.0083474

133. Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H.: Thanh niên, 2022. - 159tr.; 19cm.

344.597 L504T/M.0180738 - M.0180739; MP.0040204; VN.0083508 - VN.0083509

346 – Luật tư

134. Chỉ dẫn áp dụng những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ (Theo nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022). - H.: Hồng Đức, 2022. - 414tr.; 27cm.

346.597043 Ch300D/M.0180512 - M.0180513; VV.0019262 - VV.0019263

135. Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành mới nhất/ Phương Linh biên soạn. - H.: Thanh niên, 2022. - 261tr.; 19cm.

**346.597043 L504Đ/M.0180732 - M.0180733; MP.0040201;
VN.0083502 - VN.0083503**

136. Luật pháp quốc tế và Việt Nam về bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc. - H.: Hồng Đức, 2021. - 399tr.; 27cm.

**346.597046 L504P/M.0180978 - M.0180979; MP.0040408 -
MP.0040409; VV.0019339 - VV.0019340**

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

352 – Xem xét tổng hợp về hành chính công

137. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện ở thành phố Hà Nội hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Nguyễn Nguyên Hùng*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 200tr.; 30cm + + Phụ lục

352.1409597 N122C/LV.00010229

138. Nâng cao trình độ tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở nước ta hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220302/ *Nguyễn Thị Hải Yến*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020. - 162tr.; 30cm + + Phụ lục

352.1409597 N122C/LV.00010156

139. Sửa đổi lỗi làm việc: Ấn bản kỷ niệm 75 năm ngày tác phẩm ra đời/ *X.Y.Z.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 113tr.; 21cm.

**352.6 S551Đ/M.0180406 - M.0180407; MP.0039874 -
MP.0039875; VN.0083391 - VN.0083392**

355 – Khoa học quân sự

140. Bộ đội biên phòng bảo vệ an ninh chính trị khu vực biên giới phía bắc Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229008/ *Nguyễn Xuân Thanh*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 208tr.; 30cm + + Phụ lục

355.35109597

B450Đ/LV.00010203

141. *Bồi dưỡng năng lực công tác của đội ngũ cán bộ cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Cán Thanh Sơn*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 193tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

B452D/LV.00010184

142. *Các công trình khoa học của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1981-2021)/ Nguyễn Văn Lượng chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 648tr.; 24cm.

355.009597

C101C/VV.0019291 - VV.0019292

143. *Chất lượng đội ngũ cán bộ hậu cần trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 62310203/ *Nguyễn Văn Giới*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 192tr.; 30cm + + Phụ lục

355.41109597

Ch124L/LV.00010168

144. *Chất lượng xây dựng đội ngũ chủ nhiệm bộ môn ở các khoa khoa học xã hội và nhân văn thuộc học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310203/ *Diêm Đăng Khang*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 195tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

Ch124L/LV.00010181

145. *Dấu hiệu nhận biết các nhóm hành vi vi phạm kỷ luật, mất an toàn, tâm lý bất thường và gợi ý biện pháp xử lý của cán bộ cơ sở đối với những tình huống tư tưởng có thể nảy sinh:* Tài liệu tham khảo/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 212tr.; 19cm.

355.009597

D125H/LC.0016639 - LC.0016640; MP.0039953 - MP.0039954; VN.0083439 - VN.0083440

146. *Đại tướng Ngô Xuân Lịch - Những dấu ấn về cuộc đời cách mạng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 308tr.; 25cm.

355.0092597

Đ103T/LCV.0002624 - LCV.0002625, LCV.0002779 - LCV.0002780

147. Đánh giá kết quả học tập các môn khoa học xã hội và nhân văn của học viên ở các trường đại học trong quân đội theo tiếp cận năng lực: Luận án tiến sĩ Giáo dục học: 9140102/ *Lê Quang Mạnh*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 264tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Đ107G/LV.00010188

148. Đổi mới giáo dục lý luận chính trị trong các học viện, nhà trường kỹ thuật quân sự hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ *Vũ Văn Tuấn*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 162tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Đ452M/LV.00010161

149. Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo chính ủy trung, sư đoàn ở Học viện Chính trị hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Đoàn Đức Khánh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 198tr.; 21cm.

355.00711597

Đ452M/LC.0016621; MP.0039943 -

MP.0039944; VN.0083431 - VN.0083432

150. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường cao đẳng, đại học ngành quân y trong bối cảnh kinh tế thị trường: Luận án tiến sĩ Giáo dục học: 9140102/ *Nguyễn Vinh Quang*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 233tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.0071597

Gi-108D/LV.00010176

151. Giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước: 62310203/ *Đỗ Anh Vinh*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 179tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.41109597

Gi-108D/LV.00010163

152. Lịch sử Đoàn kinh tế - Quốc phòng Sông Mã (Đoàn 326) (2002 - 2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 308tr.; 21cm.

355.009597

L302S/LC.0016516; MP.0039928 - MP.0039929;

VN.0083411 - VN.0083412

153. *Lịch sử Kho K76 (1962-2022)*/ Biên soạn: Nguyễn Đình Thi, Phạm Sơn Thao. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 500tr.; 21cm.

355.7509597 L302S/LC.0016665; MP.0040337 - MP.0040338; VN.0083578 - VN.0083579

154. *Lịch sử Nhà máy Z113 (1957 - 2022)*/ Biên soạn: Nguyễn Văn Xá, Nguyễn Ngọc Hiền,... - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 384tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0016602; MP.0039922 - MP.0039923; VN.0083405 - VN.0083406

155. *Lịch sử quân sự huyện Than Uyên giai đoạn 1945-2022.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 272tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0002800

156. *Lịch sử Sư đoàn 10 (1972 - 2022).* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 516tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0002799; MP.0040354; VV.0019313 - VV.0019314

157. *Mạng lưới xã hội của nhóm sĩ quan cấp úy Quân đội nhân dân Việt Nam*: Luận án tiến sĩ Xã hội học: 62310301/ Đào Ngọc Tuấn. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 190tr.; 30cm + phụ lục

355.33209597 M106L/LV.00010143

158. *Môi trường văn hóa sư phạm với phát triển nhân cách học viên ở các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ Nguyễn Tuấn Lê. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 270tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597 M452T/LV.00010186

159. *Một số giải pháp đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh bộ đội Cụ Hồ" thời kỳ mới ở Học viện Chính trị hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Hữu Vĩnh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 136tr.; 21cm.

355.00711597 M458S/LC.0016634; MP.0039950 -
MP.0039951; VN.0083435 - VN.0083436

160. Năng lực công tác dân vận của chính trị viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ Đặng Văn Khương. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 193tr.; 30cm ++ Phụ lục
355.3409597 N116L/LV.00010228

161. Năng lực nghiên cứu cơ bản của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Triết học: 8229001/ Ngô Xuân Chính. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 109tr.; 30cm ++ Phụ lục
355.00711597 N116L/LV.00010221

162. Nâng cao bản lĩnh chính trị của đội ngũ giảng viên trẻ ở các trường sĩ quan quân đội giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Tạ Quang Đạo. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 182tr.; 30cm ++ Phụ lục
355.00711597 N122C/LV.00010191

163. Nâng cao chất lượng chính trị của vận động viên ở các trung tâm thể dục thể thao trong quân đội giai đoạn hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Vũ Văn Nam. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 220tr.; 30cm ++ Phụ lục
355.009597 N122C/LV.00010189

164. Nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên ở các binh đoàn chủ lực trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Khúc Văn Hưởng. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 192tr.; 30cm ++ Phụ lục
355.009597 N122C/LV.00010185

165. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ quan khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục - đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ Nguyễn Thế Tiến. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 211tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

N122C/LV.00010211

166. *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở các học viện, trường sĩ quan quân đội giai đoạn hiện nay:* Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Lê Chí Hải*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 195tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

N122C/LV.00010206

167. *Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay:* Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Uông Thiện Hoàng*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 231tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

N122C/LV.00010207

168. *Nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Lê Thanh Phong*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 216tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

N122C/LV.00010175

169. *Những vấn đề cơ bản về xây dựng và hoạt động của lực lượng tác chiến không gian mạng trong tình hình mới:* Sách chuyên khảo/ *Phạm Việt Trung*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 136tr.; 21cm.

355.009597

Nh556V/LC.0016651 - LC.0016652,

LC.0016754; MP.0040340; VN.0083582 - VN.0083583

170. *Phát huy giá trị văn hóa giữ nước Việt Nam của thanh niên quân đội hiện nay:* Luận án tiến sĩ Triết học: 9929002/ *Lê Huy Tuyền*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 194tr.; 30cm + + Phụ lục

355.009597

Ph110H/LV.00010200

171. *Phát huy nhân tố con người hạ sĩ quan, binh sĩ trong sức mạnh chiến đấu của trung đoàn bộ binh hiện nay:* Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Trần Văn Hùng*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 207tr.; 30cm + + Phụ lục

355.009597

Ph110H/LV.00010235

172. Phát huy vai trò của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các học viện, trường sĩ quan quân đội trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Trịnh Xuân Ngọc*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 200tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Ph110H/LV.00010198

173. Phát huy vai trò của thanh niên quân đội trong tham gia phòng, chống các thách thức an ninh phi truyền thống hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Bùi Việt Phương, Đoàn Hồng Duẩn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 116tr.; 21cm.

355.12309597

Ph110H/LC.0016635; M.0180458 -

M.0180459; MP.0039952; VN.0083437 - VN.0083438

174. Phát triển đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội theo tiếp cận quản lý nguồn nhân lực: Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục: 9140114/ *Nguyễn Văn Thái*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 240tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

Ph110T/LV.00010208

175. Phát triển đội ngũ trí thức nữ trong nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229008/ *Nguyễn Thành Chung*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 183tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.0071597

Ph110T/LV.00010199

176. Phát triển tư duy sáng tạo của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Đoàn Văn Tự*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 188tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

Ph110T/LV.00010202

177. Quan hệ truyền thống - hiện đại trong phát triển văn hóa quân nhân Quân đội nhân dân Việt Nam: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Đỗ Tiến Dũng*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 214tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.109597

Qu105H/LV.00010226

178. Thực hiện pháp luật về quản lý biên giới quốc gia trên đất liền của

bộ đội biên phòng Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật: 62380101/ *Phạm Thị Thanh Huế*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 206tr.; 30cm + + Phụ lục
355.35109597 Th552H/LV.00010138

179. Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng - Biên niên sự kiện (1962-2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 337tr.; 22cm.
355.009597 T455C/LC.0016510 - LC.0016511; MP.0039914 - MP.0039915; VN.0083397 - VN.0083398

180. Tổng cục Kỹ thuật - Biên niên sự kiện (2006-2021)/ Trần Huy Soan chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 574tr.; 24cm.
355.009597 T455C/LCV.0002794; MP.0040358 - MP.0040359; VV.0019321 - VV.0019322

181. Trường bắn Quốc gia Khu vực 3 - 40 năm xây dựng và trưởng thành (1982-2022)/ Lê Hồng Diệp chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 193tr.; 24cm.
355.009597 Tr561B/LCV.0002801 - LCV.0002802;
M.0180918 - M.0180919; MP.0040356; VV.0019317 - VV.0019318

182. Tư duy phản biện của giảng viên trẻ khoa học xã hội và nhân văn trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Bùi Ngọc Quân*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 197tr.; 30cm + + Phụ lục
355.0071597 T550D/LV.00010231

183. Từ điển quân sự tỉnh Bình Thuận. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 343tr.; 27cm.
355.003 T550Đ/LCV.0002787 - LCV.0002788;
M.0180912 - M.0180913; MP.0040353; VV.0019311 - VV.0019312

184. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quân dân và vận dụng của Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ *Nguyễn Quang Chuyển*. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 110tr.; 30cm + + Phụ lục

355.00711597

T550T/LV.00010218

185. Tư tưởng Hồ Chí Minh về "huấn luyện phải chú trọng việc cải tạo tư tưởng" và vận dụng trong dạy học ở các trường quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Trần Quốc Cường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 203tr.; 21cm.

355.00711597

T550T/LC.0016624 - LC.0016625;

M.0180456 - M.0180457; MP.0039949; VN.0083433 - VN.0083434

186. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa con người và vũ khí trong hoạt động quân sự: Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ *Phạm Văn Minh*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 164tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.4

T550T/LV.00010166

187. Tướng lĩnh Hải Dương thời đại Hồ Chí Minh (1945-2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 259tr.; 26cm.

355.00922597

T561L/LCV.0002785 - LCV.0002786;

M.0180910 - M.0180911; MP.0040352; VV.0019309 - VV.0019310

188. Vai trò bộ đội địa phương các tỉnh Tây Bắc trong đấu tranh với thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229008/ *Nguyễn Trung Tuyên*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 209tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

V103T/LV.00010194

189. Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn quân sự trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229002/ *Nguyễn Đình Tương*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 189tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.009597

V103T/LV.00010195

190. Văn hóa chính trị của cán bộ chính trị cấp phân đội Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Triết học: 9229008/ *Khuất Trọng Nam*. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 220tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.109597

V115H/LV.00010234

191. Vận dụng lý thuyết kiến tạo trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan quân đội: Luận án tiến sĩ Giáo dục học: 9140102/ Bùi Đức Dũng. - H.: Học viện Chính trị, 2022. - 233tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.00010225

192. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho thanh niên trong đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Nguyễn Duy Khắc. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 97tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.00010219

193. Vận dụng tư tưởng nhân văn quân sự Hồ Chí Minh trong đào tạo cán bộ chính trị ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Nguyễn Đắc Dũng. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 115tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

V121D/LV.00010220

194. Xây dựng bản lĩnh chính trị cho Lực lượng tác chiến không gian mạng trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Hồ Văn Đức biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 240tr.; 21cm.

355.009597

X126D/LC.0016657 - LC.0016658, LC.0016753; MP.0040339; VN.0083580 - VN.0083581

195. Xây dựng phẩm chất chính trị của học viên đào tạo phi công quân sự ở Trường Sĩ quan Không quân hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Cao Văn Khoa. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 111tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

X126D/LV.00010215

196. Xây dựng phong cách ứng xử Hồ Chí Minh cho học viên ở Trường Sĩ quan Pháo Binh hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Vũ Mạnh Đồng. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 113r.; 30cm ++ Phụ lục

355.00711597

X126D/LV.00010212

197. *Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị hiện nay theo tư tưởng nhân văn quân sự Hồ Chí Minh:* Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ *Nguyễn Văn Nam.* - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 188tr.; 30cm + + Phụ lục

355.09597

X126D/LV.00010135

358 – *Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật và có liên quan*

198. *Lịch sử Công ty cổ phần ACC-244 (1972 - 2022)*/ *Nguyễn Quốc Doanh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 330tr.; 21cm.

358.4009597

L302S/LC.0016519; MP.0039930 -

MP.0039931; VN.0083413 - VN.0083414

199. *Lịch sử Lữ đoàn Công binh 279 (1972 - 2022)*/ *Biên soạn: Trịnh Hùng Hiền, Phạm Quyết Thành,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 396tr.; 21cm.

358.2309597

L302S/LC.0016605; MP.0039926 -

MP.0039927; VN.0083409 - VN.0083410

200. *Lịch sử Lữ đoàn Phòng không 297 (1972 - 2022).* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 239tr.; 21cm.

358.1309597

L302S/MP.0039934 - MP.0039935;

VN.0083417 - VN.0083418

201. *Lịch sử nhà máy A45 (1977 - 2022)*/ *Hoàng Trung Kiên chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 414tr.; 21cm.

358.009597

L302S/LC.0016599; MP.0039924 - MP.0039925;

VN.0083407 - VN.0083408

202. *Năng lực chỉ huy của cán bộ cấp phân đội ở Binh chủng Công binh:* Luận án tiến sĩ Tâm lý học: 9310401/ *Phạm Văn Duy.* - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 254tr.; 30cm + + Phụ lục

358.2309597

N116L/LV.00010177

203. Thủ trưởng Bộ tư lệnh và sĩ quan cấp tướng quân chủng Phòng không - Không quân. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 360tr.; 25cm.

358.400922597

Th500T/LCV.0002781

204. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới ở Bình chủng Hóa học hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Nguyễn Thị Diệu. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 120tr.; 30cm + + Phụ lục

358.309597

V121D/LV.00010213

205. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong thực hiện nhiệm vụ khắc phục sự cố môi trường ở Bình chủng Hóa học hiện nay: Luận văn thạc sĩ Hồ Chí Minh học: 8310204/ Lê Văn Trường. - H.: Học viện Chính trị, 2020. - 120tr.; 30cm + + Phụ lục

358.309597

V121D/LV.00010216

206. 25 trận bắn rơi máy bay B-25 Mỹ trên bầu trời Hà Nội cuối tháng 12 năm 1972. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 124tr.; 27cm.

358.414509597

H103M/LCV.0002783 - LCV.0002784;

M.0180908 - M.0180909; MP.0040351; VV.0019307 - VV.0019308

360 – Vấn đề dịch vụ xã hội; hiệp hội

363 – Vấn đề và dịch vụ xã hội khác

207. Công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự của lực lượng công an nhân dân thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học: 62310204/ Bùi Anh Tuấn. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 172tr.; 30cm + + Phụ lục

363.209597

C455T/LV.00010139

208. Hình tượng người chiến sĩ công an nhân dân trên báo chí Việt Nam hiện nay: Luận án tiến sĩ Xã hội học: 62313001/ Phan Thị Thu

Trang. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 189tr.; 30cm + phụ lục

363.209597 H312T/LV.00010149

209. *Nâng cao chất lượng công tác dân vận của công an các tỉnh Tây Bắc hiện nay*: Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị: 9310202/ *Nguyễn Đình Châu*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 190tr.; 30cm + + Phụ lục

363.209597 N122C/LV.00010210

210. *Quản lý hoạt động bồi dưỡng lý luận chính trị cho học viên ở các trường công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay*: Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục: 9140114/ *Nguyễn Đình Thi*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 209tr.; 30cm + + Phụ lục

363.2071 Qu105L/LV.00010173

211. *Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên các trường đại học thuộc Bộ Công an theo hướng phát triển năng lực người học*: Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục: 9140114/ *Nguyễn Văn Kiên*. - H.: Học viện Chính trị, 2021. - 222tr.; 30cm + + Phụ lục

363.20711 Qu105L/LV.00010230

212. *Vấn đề xây dựng phong cách vì nhân dân phục vụ của người công an nhân dân Việt Nam hiện nay*: Luận án tiến sĩ Triết học: 62220302/ *Lê Thị Túy Na*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 173tr.; 30cm + phụ lục

363.209597 V121Đ/LV.00010170

213. *Vận hành, bảo trì các công trình cấp nước nông thôn*/ *Đồng chủ biên: Nguyễn Việt Anh, Nguyễn Thành Luân*. - H.: Xây dựng, 2022. - 300tr.; 21cm.

363.6109597 V105H/M.0180906 - M.0180907

370 – Giáo dục

214. Các trường đại học hàng đầu thế giới/ Mai Lan, Mai Thị Tình. - H.: Dân trí, 2022. - 252tr.; 21cm.

378 C101T/M.0180718 - M.0180719; MP.0040191 - MP.0040192

215. Cẩm nang rèn luyện 5 phẩm chất cho học sinh cấp tiểu học: Dành cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh/ *Nguyễn Trọng Sửu, Nguyễn Thị Xiêm chủ biên, Nguyễn Ngọc Dung...* - H.: Dân trí, 2021. - 91tr.; 23cm.

372.83 C120N/M.0181159 - M.0181160

216. Căn bệnh giáo dục: "Nguyên cơ giáo dục" khiến cả giáo viên và học sinh Nhật Bản khổ sở/ *Ryo Uchida; Nguyễn Quốc Vương dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 268tr.; 21cm.

370.952 C115B/M.0180790 - M.0180791

217. Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục Việt Nam. - H.: Hồng Đức, 2021. - 402tr.; 27cm.

370.9597 Ch500T/M.0180972 - M.0180973; MP.0040402 - MP.0040403; VV.0019333 - VV.0019334

218. Dạy học không theo lối mòn = Uncommon sense teaching: Hiểu đúng về trí nhớ và khoa học não bộ để dạy học hiệu quả trong mọi hoàn cảnh/ *Barbara Oakley; Ng.dịch: Hoàng Anh Đức, Hoàng Giang Quỳnh Anh.* - H.: Thế Giới, 2022. - 367tr.; 24cm.

370.15 D112H/M.0181279 - M.0181280; MP.0040488

219. Giáo dục là không gian đối/ Đặng Tự Ân. - H.: Dân trí, 2022. - 588tr.; 24cm.

370 Gi-108D/M.0181259 - M.0181260; VV.0019423 - VV.0019424

220. Quản lý nguồn nhân lực Alibaba: Diễn giải toàn bộ phương pháp quản lý nguồn nhân lực của Alibaba. Xây dựng "đội quân sắt Alibaba" có

sức chiến đấu nhất/ *Trần Vỹ; Phạm Hậu dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 319tr.; 24cm.

381.142 Qu105L/M.0181269 - M.0181270

221. Tư tưởng giáo dục Việt Nam trên báo Thanh nghị 1941-1945. - H.: Dân trí, 2022. - 246tr.; 24cm.

370 T550T/M.0181177 - M.0181178; VV.0019403 - VV.0019404

371 – Trường học và hoạt động; giáo dục đặc biệt

222. Chuẩn bị cho con một cuộc sống trọn vẹn/ Diane Tavenner; Phan Thị Công Minh dịch. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 295tr.; 23cm.

371.394 Ch502B/M.0180368 - M.0180369; MP.0039838 - MP.0039839

223. Hồi ức đau thương nơi học đường tàn khốc: Cẩm nang phòng, chống bạo lực học đường/ *Bích Ngọc biên soạn.* - H.: Dân trí, 2021. - 206tr.; 23cm.

371.782 H452U/M.0181165 - M.0181166

224. Làm việc và chơi ở tuổi mầm non/ Freya Jaffke; Thanh Cherry dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 95tr.; 23cm.

372.21 L104V/M.0180374 - M.0180375; MP.0039844 - MP.0039845

225. Tại sao chúng ta bị ức hiếp: Cẩm nang phòng, chống bạo lực học đường/ *Bích Ngọc biên soạn.* - H.: Dân trí, 2021. - 223tr.; 23cm.

371.782 T103S/M.0181163 - M.0181164

226. Y tế học đường - Kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại tình dục, ma túy học đường. - H.: Hồng Đức, 2022. - 400tr.; 27cm.

371.71 Y600T/M.0180508 - M.0180509; VV.0019238 -
VV.0019239

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

227. *Đệt nên triều đại = Weaving a realm*. - H.: Dân trí, 2022. - 224tr.; 25cm.

391.009597 D258N/M.0181271 - M.0181272; VV.0019427 -
VV.0019428

228. *Trang trí trên áo lễ phục cung đình triều Nguyễn 1802 - 1945/ Vũ Huyền Trang*. - H.: Thế Giới, 2022. - 267tr.; 24cm.

391.02209597 Tr106T/M.0181291 - M.0181292;
VV.0019455 - VV.0019456

229. *Văn hóa biển, đảo qua tín ngưỡng và lễ hội truyền thống Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn*. - H.: Dân trí, 2020. - 219tr.; 21cm.

390.09597 V115H/M.0180524 - M.0180525; MP.0040000 -
MP.0040001; VN.0083467 - VN.0083468

230. *Văn hóa dân gian biển đảo vùng Trung Bộ*: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Nguyễn Chí Bền, Phạm Lan Oanh. - H.: Quân đội nhân dân, 2022; 21cm.

T.1. - 224tr.
398.09597 V115H/LC.0016614 - LC.0016615; M.0180448 -
M.0180449; MP.0039939; VN.0083425 - VN.0083426

T.2. - 175tr.
398.09597 V115H/LC.0016612 - LC.0016613; M.0180446 -
M.0180447; MP.0039938; VN.0083423 - VN.0083424

400 - NGÔN NGỮ

231. *Lược sử ngôn ngữ*: Chuyện kể về phát minh vĩ đại nhất của loài người/ *Daniel L. Everett*; *Ng. dịch: Phạm Văn Lam, Huyền Minh.* - H.: Thế Giới, 2022. - 399tr.; 24cm.

401 L557S/M.0181285 - M.0181286; VV.0019453 - VV.0019454

232. *Sông sót nơi công sở = Englis business writing*: Viết ư? chuyện nhỏ!/ *Julian Jiyeon Lee*; *Mai Ngọc Phương dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 275tr.; 24cm.

428 S455S/M.0181167 - M.0181168

233. *Từng bước làm quen với viết luận tiếng anh = How to write 4 types of essays*/ *Michael A. Putlack*; *Ngọc Anh dịch.* - H.: Thế Giới, 2022. - 163tr.; 21cm.

428 T556B/M.0181289 - M.0181290

600 – CÔNG NGHỆ

610 – Y học và y tế

612 – Sinh lý học người

234. *Cơ thể tự chữa lành*: Giải cứu gan/ *Anthony William*; *Ngô Thế Vinh dịch.* - H.: Thanh niên, 2022. - 625tr.; 23cm.

612.352 C460T/M.0181004 - M.0181005; VV.0019363 - VV.0019364

235. *Dòng chảy ý thức = The river of consciousness*: 10 bài luận xuất sắc nhất của Tiến sĩ Oliver Sacks/ *Oliver Sacks*; *Lâm Đặng Cam Thảo dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 246tr.; 21cm.

612.8233 D431C/M.0181038 - M.0181039; MP.0040443

236. *Giải mã tâm trí, Kiểm soát cảm xúc/ David Eagleman; Huy Nguyễn dịch.* - H.: Lao Động, 2022. - 338tr.; 24cm.

612.82 Gi-103M/M.0181307 - M.0181308

237. *Hãy nở đi, bông hoa của tôi:* Mọi điều bạn gái cần biết về tuổi dậy thì/ *Kyungsun Lee; Lê Thị Thu Ngọc dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2018. - 223tr.; 21cm.

612.661082 H112N/M.0180812 - M.0180813; MP.0040212 - MP.0040213

613 – Sức khỏe và an toàn cá nhân

238. *Cơ thể tự chữa lành:* Nước ép cần tây - Phương thức phục hồi sức khỏe diệu kỳ/ *Anthony William; Thanh Yên dịch.* - H.: Thanh niên, 2022. - 312tr.; 23cm.

613.2 C460T/M.0181006 - M.0181007; VV.0019365 - VV.0019366

239. *Cơ thể tự chữa lành:* Thanh lọc để phục hồi/ *Anthony William; Ng. dịch: Liêu Nguyễn, Xanh Va.* - H.: Thanh niên, 2022. - 756tr.; 23cm.

613 C460T/M.0181000 - M.0181001; VV.0019359 - VV.0019360

240. *Cơ thể tự chữa lành:* Thực phẩm thay đổi cuộc sống - Thần dược đến từ trái cây và rau củ/ *Anthony William; Mokona dịch.* - H.: Thanh niên, 2022. - 461tr.; 23cm.

613.2 C460T/M.0181002 - M.0181003; VV.0019361 - VV.0019362

615 –Dược lý học và điều trị học

241. *Đông y ngoại khoa học/ Hoàng Duy Tân.* - H.: Dân trí, 2022. - 707tr.; 24cm.

615.88 Đ455Y/M.0181261 - M.0181262; MP.0040485

242. Thảo dược với bệnh nam khoa: Sách tham khảo/ *Mai Hoa biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 191tr.; 21cm.

615.88 Th108D/M.0181249 - M.0181250; MP.0040483

243. Thảo dược với bệnh nội khoa: Sách tham khảo/ *Mai Hoa biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 191tr.; 21cm.

615.88 Th108D/M.0181247 - M.0181248; MP.0040482

616 – Bệnh

244. Cơ thể tự chữa lành: Phục hồi tuyến giáp/ *Anthony William; Xanh Va dịch.* - H.: Thanh niên, 2022. - 404tr.; 23cm.

616.44 C460T/M.0180998 - M.0180999; VV.0019357 - VV.0019358

245. Đọc hiểu kết quả xét nghiệm máu để sống lâu, khỏe lạnh/ James B. Lavalley; Bách Nguyễn dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 523tr.; 23cm.

616.07561 Đ419H/M.0181179 - M.0181180

246. Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị một số bệnh khớp và nội tiết thường gặp/ Nguyễn Thị Phi Nga chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 121tr.; 27cm.

616.72 H561D/LCV.0002793; MP.0040345 - MP.0040346

247. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị chuyên ngành thần kinh/ Đồng chủ biên: Nhữ Đình Sơn, Nguyễn Đức Thuận. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 95tr.; 27cm.

616.8 H561D/LCV.0002791; MP.0040343 - MP.0040344

248. Liệu pháp miễn dịch: Bước đột phá trong chữa trị ung thư/ *Charles Graeber; Nguyễn Đức Anh dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 388tr.; 23cm.

616.994061 L309P/M.0181273 - M.0181274; VV.0019445 - VV.0019446

249. *Một kiểu bình thường khác/ Abigail Balfe; Minh Vũ dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 239tr.; 24cm.

616.8588 M458K/M.0181183 - M.0181184

250. *Một số cytokine liên quan đến bệnh động mạch vành:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thanh Xuân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 163tr.; 21cm.

616.123 M458S/LC.0016696; MP.0040335 - MP.0040336; VN.0083586 - VN.0083587

251. *Một số hướng dẫn cơ bản và quy trình nuôi cấy, phân lập vi khuẩn gây bệnh thường gặp/ Đồng chủ biên: Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Văn An.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 165tr.; 27cm.

616.92 M458S/LCV.0002807; MP.0040349 - MP.0040350

252. *Quy trình kỹ thuật cơ bản chuyên ngành huyết học - truyền máu/ Tạ Việt Hưng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 233tr.; 27cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

616.15 Qu600T/LCV.0002747; MP.0040347 - MP.0040348

620 – Kỹ thuật và hoạt động liên thuộc

623 – Kỹ thuật quân sự và hàng hải

253. *Giáo trình Công nghệ chế tạo kết cấu tên lửa từ hợp kim titan:* Dành cho nghiên cứu sinh và cán bộ nghiên cứu chuyên ngành Cơ khí - Động lực/ *Sái Mạnh Thắng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 304tr.; 27cm.

623.451900711 Gi-108T/LCV.0002792; M.0181752; VV.0019355 - VV.0019356, VV.0019630 - VV.0019631

254. *Phương tiện bay không người lái và vai trò của tác chiến điện tử:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Huy Hoàng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 198tr.; 21cm.

623.7469 Ph561T/LC.0016630 - LC.0016631; M.0180450 - M.0180451; MP.0039942; VN.0083429 - VN.0083430

640 – Quản lý nhà và gia đình

255. *Ăn tối cùng Chef và nói chuyện bếp:* Tập bút/ *Bếp Đon*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 311tr.; 23cm.

641.5 A115T/M.0180366 - M.0180367; MP.0039836 - MP.0039837

256. *Hạnh phúc với cuộc sống thường ngày:* Sống tối giản, sống sáng tạo, sống giàu có/ *Mayumi Arikawa; Nguyễn Quốc Vương dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 183tr.; 24cm.. - (Phụ nữ thành đạt)

646.7 H107P/M.0180776 - M.0180777; MP.0040232 - MP.0040233

257. *Mỗi ngày tiết kiệm một giờ/ Michael Heppell; Tiểu Vân dịch*. - In lần thứ 22. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 187tr.; 20cm.

640.43 M452N/M.0180398 - M.0180399; MP.0039866 - MP.0039867

258. *Phụ nữ lãnh đạo bằng yêu thương/ David Devin; Lê Vũ Hải hiệu đính*. - In lần thứ 9. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 367tr.; 23cm.. - (Phụ nữ siêu thành công)

646.70082 Ph500N/M.0180768 - M.0180769; MP.0040224 - MP.0040225

259. *Vô cùng tàn nhẫn vô cùng yêu thương/ Sara Jamas; Phạm Thị Thanh Vân dịch*. - H.: Dân trí, 2022; 23cm.

T.1: Phương pháp dạy con của người Do Thái và bài học về tình yêu thương được đặt đúng chỗ. - 403tr.

649.1 V450C/M.0181147 - M.0181148

T.2: Phương pháp dạy con của người Do Thái và bài học về tình yêu thương được đặt đúng chỗ. - 279tr.

649.1 V450C/M.0181149 - M.0181150

T.3: Phương pháp dạy con của một người cha Do Thái. - 247tr.

649.1 V450C/M.0181151 - M.0181152

T.4: Bí quyết bồi dưỡng trí tuệ tài chính cho con của người Do Thái. - 261tr.

649.1 V450C/M.0181153 - M.0181154

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

260. *Bơi cùng cá mập mà không bị nuốt chửng: Giúp bạn và công ty sống sót, sống tốt, sống chất, và luôn về nhất = Swim with the sharks without being eaten alive/ Harvey B. Mackay; Trần Thị Minh Khuê dịch.* - H.: Công Thương, 2022. - 392tr.; 24cm.

650.1 B462C/M.0181303 - M.0181304

261. *Khởi nghiệp thích nghi sống sót:* Đây có thể là cảm nang bỏ túi nếu bạn ngại đọc một quyển sách dày hoặc bị rối khi tham gia liên tiếp các khóa học làm giàu/ *Lê Châu Hoài Nhật*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2019. - 206tr.; 21cm.

650.1 Kh462N/M.0180804 - M.0180805; MP.0040258 - MP.0040259

262. *Khởi nghiệp từ A tới Z đơn giản bằng hình vẽ trên khăn giấy/ Alex Tu.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2019. - 120tr.; 24cm.

650.1 Kh462N/M.0180774 - M.0180775; MP.0040230 - MP.0040231

658 – Quản lý chung

263. Lãnh đạo, phục tùng hoặc cuốn xéo: Những bài học lãnh đạo đỉnh cao từ chỉ huy đặc nhiệm SEAL = Leadership: Strategy and tactics/ Jocko Willink; Nhóm dịch: D-Institute. - H.: Công Thương, 2022. - 303tr.; 24cm.

658.4092

L107Đ/M.0181299 - M.0181300

264. Lãnh đạo sự thay đổi - Change: Cách thức để đạt được những thành quả vượt bậc trong thời đại đầy bất trắc và biến động không lường/ John P. Kotter, Vanessa Akhtar, Gaurav Gupta; Nguyễn Việt Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 279tr.; 23cm.

658.406

L107Đ/M.0181026 - M.0181027; MP.0040434;

VV.0019385 - VV.0019386

265. Quản trị liên văn hóa đóng góp của ngành khoa học não bộ/ Nguyễn Phương Mai; Lê Hồng Vân dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 630tr.; 24cm.

658.3008

Qu105T/M.0181189 - M.0181190; VV.0019411 -

VV.0019412

266. Vì sao chuyển đổi số thất bại = Why digital transformations fall/ Tony Saldanha; Trần Quốc Hùng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 297tr.; 23cm.

658.40380285

V300S/M.0181024 - M.0181025;

MP.0040433; VV.0019383 - VV.0019384

700 – NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

267. Cẩm nang phòng, chống bạo lực học đường: Dành cho học sinh trung học/ Nguyễn Thị Toan chủ biên. - H.: Dân trí, 2021. - 113tr.; 23cm.

782.0712

C120N/M.0181161 - M.0181162

268. Cuộc đời tôi qua hai màu Đỏ - Trắng: Tự truyện của tôi/ *Arsène Wenger*; Ng.dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Lê Minh Loan. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 283tr.; 23cm.

796.334092 C514Đ/M.0180370 - M.0180371; MP.0039840 - MP.0039841

269. Hội họa Bùi Xuân Phái và tôi/ Trần Hậu Tuấn. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 181tr.; 20cm.

759.9597 H452H/M.0180376 - M.0180377; MP.0039846 - MP.0039847

270. Mozart/ Maynard Solomon; Ng.dịch: Mai Đức Hạnh, Nguyễn Anh Tùng. - H.: Dân trí, 2022. - 957tr.; 24cm.

780.92 M435/M.0181305 - M.0181306; VV.0019463 - VV.0019464

271. Nghệ thuật ca từ trong ca khúc cách mạng Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Thúy Hà. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 195tr.; 21cm.

782.4209597 Ngh250T/LC.0016628 - LC.0016629; M.0180452 - M.0180453; MP.0039945 - MP.0039946

272. Picasso và bức tranh khiến thế giới sửng sốt/ Miles J.Unger; Ng.dịch: Bùi Minh Hạnh, Nguyễn Thị Phương Lan.... - H.: Dân trí, 2022. - 589tr.; 24cm.

759.6 P301V/M.0181255 - M.0181256; VV.0019421 - VV.0019422

273. Renoir - Cuộc đời và tác phẩm qua 500 hình ảnh/ Susie Hodge; Hiếu Tân dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 258tr.; 29cm.

759.4 R204C/M.0181145 - M.0181146; VV.0019413 - VV.0019414

800 – VĂN HỌC

274. *Blog writing - Sống với nghề viết blog/ Linh Phan.* - H.: Dân trí, 2022. - 252tr.; 23cm.

808.027 BI427W/M.0181169 - M.0181170

275. *Nghệ thuật thuyết trình bằng câu chuyện = Story telling/ Bùi Thị Ngọc Thu.* - Tái bản lần thứ 2. - H.: Lao Động, 2022. - 388tr.; 23cm.

808.5 Ngh250T/M.0181275 - M.0181276; MP.0040486
- MP.0040487

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

276. *Bố già/ Mario Puzo; Ngọc Thứ Lang dịch.* - Tái bản lần 15. - H.: Văn học, 2022. - 642tr.; 21cm.

813.54 B450G/M.0180268 - M.0180269; MP.0039740 -
MP.0039741

277. *Bông hồng trên ngọn đồi xanh: Tám anh chị em họ: Tiểu thuyết/ Louisa May Alcott; Quách Cẩm Phương dịch.* - H.: Thanh niên, 2020. - 363tr.; 21cm.

813 B455H/M.0180290 - M.0180291; MP.0039762 -
MP.0039763

278. *Câu chuyện rừng xanh/ Rudyard Kipling; Phương Anh dịch.* - H.: Văn học, 2020. - 242tr.; 21cm.

813 C125C/M.0180310 - M.0180311; MP.0039782 -
MP.0039783

279. *Đi qua bóng tối: Tiểu thuyết/ Kate Alice Marshall.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 550tr.; 20cm.

813.6 Đ300Q/M.0180378 - M.0180379; MP.0039848 -
MP.0039849

280. Đóa hồng quý quyết/ Dot Hutchison; Hoài Thu dịch. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 432tr.; 21cm.

813.6 Đ401H/M.0180634 - M.0180635; MP.0040110 - MP.0040111

281. Lincoln ở cũi trung ẩm/ George Saunders; Lan Young dịch. - H.: Hội nhà văn, 2021. - 458tr.; 21cm.

813.54 L311O/M.0180278 - M.0180279; MP.0039750 - MP.0039751, MP.0039991

282. Những con quái vật đội lốt người trong thị trấn/ Mitzi Szereto; An Trách dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 286tr.; 21cm.

813.6 Nh556C/M.0181251 - M.0181252; MP.0040484

283. Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn/ Mark Twain; Xuân Oanh dịch. - Tái bản lần 1. - H.: Văn học, 2016. - 411tr.; 21cm.

813.4 Nh556C/M.0180300 - M.0180301; MP.0039772 - MP.0039773

284. Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer/ Mark Twain; Xuân Oanh dịch. - H.: Văn học, 2022. - 310tr.; 21cm.

813 Nh556C/M.0180314 - M.0180315; MP.0039786 - MP.0039787

285. Ông già và biển cả/ Ernest Hemingway; Nguyễn Quang Huy dịch. - H.: Hội nhà văn, 2021. - 107tr.; 21cm.

813.52 Ô455G/M.0180326 - M.0180327; MP.0039798 - MP.0039799

820 – Văn học tiếng Anh và tiếng Anh cổ

286. Đồi gió hú/ Emily Bronte; Thảo Linh dịch. - H.: Văn học, 2020. - 523tr.; 21cm.

823.8 Đ452G/M.0180272 - M.0180273; MP.0039744 - MP.0039745

287. *Kiều hãnh và định kiến*/ Jane Austen; Diệp Minh Tâm dịch. - H.: Văn học, 2018. - 523tr.; 21cm.

823.7 K309H/M.0180286 - M.0180287; MP.0039758 - MP.0039759

288. *Săn tổng thống*/ Dan Smith; Quang Huy dịch. - H.: Văn học, 2015. - 287tr.; 21cm.

823.92 S115T/M.0180294 - M.0180295; MP.0039766 - MP.0039767

840 – Văn học tiếng Pháp và văn học ngôn ngữ Romang có liên quan

289. *An Nam trong văn học Pháp*: Jules Boissiere (1863-1897)/ Nguyễn Mạnh Tường; Tiết Hùng Thái dịch. - H.: Hồng Đức, 2022. - 359tr.; 24cm.

840.9 A105N/M.0181022 - M.0181023; MP.0040432; VV.0019381 - VV.0019382

290. *Hoàng tử bé*/ Antoine De Saint-Exupéry; Vĩnh Lạc dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 223tr.; 24cm.

843 H407T/M.0181257 - M.0181258

291. *Không gia đình*: Tiểu thuyết/ Hector Malot; Huỳnh Lý dịch. - H.: Văn học, 2021. - 659tr.; 21cm.

843 Kh455G/M.0180270 - M.0180271; MP.0039742 - MP.0039743

292. *Nghề nghiệp của bố*/ Sorj Chalandon; Mai Chi dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 365tr.; 21cm.

843.92 Ngh250N/M.0180520 - M.0180521; MP.0039996 - MP.0039997

293. *Những cuộc phiêu lưu của Don Quixote lừng danh và giám mã*

Sangcho Panza/ Jonathan Bousmar; Phong Thu dịch. - H.: Văn học, 2018. - 156tr.; 21cm.

843.92 Nh556C/M.0180298 - M.0180299; MP.0039770 - MP.0039771

294. Tuyển tập hành trình giao thoa giữa văn học Pháp và văn học Việt Nam: Tuyển tập/ *Thái Thu Lan.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 583tr.; 21cm.

840.9 T527T/M.0180806 - M.0180807

295. Trà hoa nữ/ Alexandre Dumas; Hải Nguyên dịch. - H.: Văn học, 2022. - 283tr.; 21cm.

843.8 Tr100H/M.0180304 - M.0180305; MP.0039776 - MP.0039777

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

296. Ác quỷ/ Vũ Khúc. - H.: Thanh niên, 2021. - 203tr.; 21cm.

895.92234 A101Q/M.0180640 - M.0180641; MP.0040116 - MP.0040117

297. Âm ảnh mờ: Tản văn/ *Nguyễn Hiệp.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 185tr.; 21cm.

895.9228408 A104A/M.0180636 - M.0180637; MP.0040112 - MP.0040113

298. Anh hùng ca: Tiểu thuyết/ *Lại Nhĩ; Nguyễn Đức Vĩnh dịch.* - H.: Thanh niên, 2017; 21cm.

T.1. - 411tr.

895.136 A107H/M.0180284 - M.0180285; MP.0039756 - MP.0039757

T.2. - 403tr.

895.136 A107H/M.0180282 - M.0180283; MP.0039754 - MP.0039755

299. *Bầy bầy bốn chín*: Truyện dài/ *Hoàng Công Danh*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 158tr.; 20cm.

895.92234 B112B/M.0180404 - M.0180405; MP.0039872 - MP.0039873

300. *Bên dòng Cửu An*: Tập truyện ngắn/ *Vũ Trọng Thế*. - H.: Hồng Đức, 2022. - 262tr.; 19cm.

895.92234 B254D/M.0180654 - M.0180655; MP.0040130 - MP.0040131

301. *Bóng trắng trắng ngà*: *Thục Linh*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 309tr.; 21cm.

895.92234 B431T/M.0180626 - M.0180627; MP.0040102 - MP.0040103

302. *Chopin biến mất*: Truyện dài/ *Hiền Trang*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 245tr.; 20cm.

895.92234 Ch434B/M.0180390 - M.0180391; MP.0039858 - MP.0039859

303. *Chóp biển*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Xuân Bồi*. - H.: Hồng Đức, 2022. - 203tr.; 19cm.

895.92234 Ch466B/M.0180656 - M.0180657; MP.0040132 - MP.0040133; VN.0083479 - VN.0083480

304. *Chuồng cọp trên cao*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thu Hằng*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 165tr.; 20cm.

895.92234 Ch518C/M.0180394 - M.0180395; MP.0039862 - MP.0039863

305. *Con về*: Tự truyện - Hành trình của một bà mẹ đã tự mình đưa con vượt qua chứng tự kỷ, trở lại với cuộc sống/ *Đào Hải Ninh*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 175tr.; 21cm.

895.9228403 C429V/M.0180788 - M.0180789; MP.0040244 - MP.0040245

306. *Đắm bầy virus*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Văn Học*. - H.: Dân trí, 2022. - 255tr.; 21cm.

895.92234 Đ114B/M.0180522 - M.0180523; MP.0039998 - MP.0039999

307. *Đẹp và buồn*: *Kawabata Yasunari*; *Mai Kim Ngọc dịch*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 262tr.; 21cm.

895.634 Đ206V/M.0180266 - M.0180267; MP.0039738 - MP.0039739

308. *Gánh hàng hoa*: Tiểu thuyết/ *Nhất Linh, Khái Hưng*. - H.: Văn học, 2022. - 226tr.; 21cm.

895.92234 G107H/M.0180308 - M.0180309; MP.0039780 - MP.0039781

309. *Giấc mơ chín tầng mây*: *Kim Man Jung*; *Lý Xuân Chung dịch*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 271tr.; 21cm.

895.732 Gi-119M/M.0180388 - M.0180389; MP.0039856 - MP.0039857

310. *Gió lạnh đầu mùa*: *Thạch Lam*. - Tái bản. - H.: Văn học, 2022. - 158tr.; 21cm.

895.922334 Gi-400L/M.0180320 - M.0180321; MP.0039792 - MP.0039793

311. *Giông tố*: *Vũ Trọng Phụng*. - Tái bản. - H.: Văn học, 2022. - 335tr.; 21cm.

895.922332 Gi-455T/M.0180302 - M.0180303; MP.0039774 - MP.0039775

312. *Hòn đảo phía chân trời*: Tiểu thuyết/ *Trần Nhuận Minh*. - In lần thứ 9. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 185tr.; 20cm.

895.922334 H429Đ/M.0180644 - M.0180645; MP.0040120 - MP.0040121

313. *Hương quê*: Tập truyện ngắn/ *Sơn Nam*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 277tr.; 20cm.

895.92234 H561Q/M.0180384 - M.0180385; MP.0039852 - MP.0039853

314. *Ký ức thời bình lửa*: Bút ký/ *Nguyễn Đăng San*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2022. - 163tr.; 21cm.

**895.9228403 K600U/M.0180518 - M.0180519;
MP.0039994 - MP.0039995; VN.0083594 - VN.0083595**

315. *Loài hoang dã*: Tiểu thuyết 12 chòm sao/ *Sói Sặc Sỡ*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021; 21cm.

T.1. - 357tr.

895.92234 L404H/M.0180632 - M.0180633; MP.0040108 - MP.0040109

T.2. - 390tr.

895.92234 L404H/M.0180630 - M.0180631; MP.0040106 - MP.0040107

316. *Lời thề Budapest*/ *Kiều Bích Hậu*. - H.: Văn học, 2021. - 199tr.; 21cm.

895.922334 L462T/M.0180318 - M.0180319; MP.0039790 - MP.0039791

317. *Ngàn lẻ một truyện ngụ ngôn và hài*/ *Thế Hùng*. - H.: Hồng Đức, 2022; 19cm.

T.1. - 254tr.

895.92234 Ng105L/M.0180648 - M.0180649; MP.0040124 - MP.0040125

T.2. - 249tr.

895.92234 Ng105L/M.0180646 - M.0180647; MP.0040122 - MP.0040123

318. *Ngoái đầu nhìn lại*: Bút ký/ Y Ban. - H.: Dân trí, 2022. - 234tr.; 21cm.

**895.9228403 Ng404Đ/M.0180722 - M.0180723;
MP.0040195 - MP.0040196**

319. *Ngọc quan âm*: Tiểu thuyết/ Hải Nham; Nguyễn Thị Hồng Trang dịch. - H.: Văn học, 2015. - 495tr.; 21cm.

**895.136 Ng419Q/M.0180276 - M.0180277; MP.0039748 -
MP.0039749**

320. *Ngôi làng linh thiêng*: Nguyễn Văn Ba. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 396tr.; 24cm.

**895.92234 Ng452L/M.0180622 - M.0180623; MP.0040098 -
MP.0040099**

321. *Người Làng Cát anh hùng*: Đặng Phi Thuởng. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 278tr.; 24cm.

**895.9228403 Ng558L/LCV.0002797 - LCV.0002798;
M.0180920 - M.0180921; MP.0040357; VV.0019319 - VV.0019320**

322. *Người lính Cụ Hồ đeo "lon" binh nhì*: Nguyễn Kim Khôi. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 367tr.; 24cm.

**895.9228008 Ng558L/LCV.0002795 - LCV.0002796;
M.0180924 - M.0180925; MP.0040361; VV.0019325 - VV.0019326**

323. *Những ngày thơ ấu*: Nguyên Hồng. - H.: Văn học, 2021. - 103tr.; 21cm.

**895.9223 Nh556N/M.0180324 - M.0180325; MP.0039796 -
MP.0039797**

324. *Những người lính thời bình*: Truyện ngắn và bút ký/ Phan Vĩnh Điền. - H.: Hồng Đức, 2022. - 254tr.; 19cm.

**895.92234 Nh556N/M.0180734 - M.0180735; MP.0040202;
VN.0083504 - VN.0083505**

325. *Những người Nga đầu tiên đến Việt Nam*: Phóng sự và bút ký thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX/ A. A. Socolov chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 462tr.; 24cm.

**891.78 Nh556N/M.0181008 - M.0181009; MP.0040436;
VV.0019367 - VV.0019368**

326. *Nửa lời chưa nói*: Tập truyện ngắn/ Duy Ân. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 165tr.; 20cm.

**895.92234 N551L/M.0180396 - M.0180397; MP.0039864 -
MP.0039865**

327. *Nước Nhật nhìn từ những thứ bình thường*/ Nguyễn Quốc Vương. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 188tr.; 21cm.

**895.9228408 N557N/M.0180792 - M.0180793;
MP.0040246 - MP.0040247**

328. *Oan gia tương phùng*: Tiểu thuyết/ Tiêu Dao Hồng Trần; Nguyễn Đức Vĩnh dịch. - Tái bản lần 2. - H.: Văn học, 2021. - 522tr.; 21cm.

**895.136 O-406G/M.0180274 - M.0180275; MP.0039746 -
MP.0039747**

329. *Ong mật và sấm rền*/ Riku Onda; Đỗ Nguyên dịch. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 624tr.; 23cm.

895.636 O-431M/M.0180996 - M.0180997; MP.0040424

330. *Phụ nữ và những mùa Covid*/ Phạm Thị Phương Thảo. - H.: Hồng Đức, 2022. - 263tr.; 19cm.

**895.9228408 Ph500N/M.0180650 - M.0180651;
MP.0040126 - MP.0040127**

331. *Số đỏ*/ Vũ Trọng Phụng. - H.: Văn học, 2018. - 246tr.; 21cm.

**895.922332 S450Đ/M.0180312 - M.0180313; MP.0039784 -
MP.0039785**

332. *Sống mòn*/ Nam Cao. - Tái bản. - H.: Văn học, 2022. - 287tr.; 21cm.

895.922332 S455M/M.0180306 - M.0180307; MP.0039778 - MP.0039779

333. *Thám tử ở tiệm cafe Eden/ Souji Hanawatari; Thúy Lương dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 262tr.; 18cm.

895.636 Th104T/M.0180658 - M.0180659; MP.0040134 - MP.0040135

334. *Thần chết và chiếc tạp dề/ Yukiya Hatamoto; Ngọc Huyền dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 383tr.; 18cm.

895.636 Th121C/M.0180540 - M.0180541; MP.0040016 - MP.0040017

335. *Thơ Hồ Xuân Hương: Siêu phẩm của tài năng thi ca: Khảo luận/ Hà Minh Đức.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 137tr.; 20cm.

895.92212 Th460H/M.0180402 - M.0180403; MP.0039870 - MP.0039871

336. *Tôi, em và cuốn tiểu thuyết còn dang dở/ Toto Kiyuna; Nguyễn Hồng Vân dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 421tr.; 18cm.

895.636 T452E/M.0180538 - M.0180539; MP.0040014 - MP.0040015

337. *Trên đường băng/ Tony Buổi Sáng.* - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 301tr.; 21cm.

895.9228408 Tr254Đ/M.0180380 - M.0180381; MP.0039850 - MP.0039851

338. *Truyện ngắn chọn lọc/ Nguyễn Chu Nhạc.* - H.: Thanh niên, 2022. - 251tr.; 19cm.

895.92234 Tr527N/M.0180652 - M.0180653; MP.0040128 - MP.0040129

339. *Truyện ngắn đặc sắc 9 cây bút nữ.* - H.: Văn học, 2022. - 247tr.; 21cm.

895.92234 Tr527N/M.0180716 - M.0180717; MP.0040189 - MP.0040190

340. *Truyện ngắn hay 2022.* - H.: Văn học, 2022. - 303tr.; 21cm.

895.92234 Tr527N/M.0180712 - M.0180713; MP.0040185 - MP.0040186

341. *Trước mùa mưa bão:* Tiểu thuyết/ *Trần Nhuận Minh.* - In lần thứ 11. - H.: Nxb. Hà Nội, 2022. - 133tr.; 20cm.

895.922334 Tr557M/M.0180642 - M.0180643; MP.0040118 - MP.0040119

342. *Vết sáng của bụi:* Tập truyện ngắn/ *Lê Quang Trọng.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 158tr.; 20cm.

895.92234 V258S/M.0180392 - M.0180393; MP.0039860 - MP.0039861

343. *Vợ nhặt:* Tập truyện ngắn/ *Kim Lân.* - H.: Văn học, 2022. - 178tr.; 21cm.

895.922334 V460N/M.0180322 - M.0180323; MP.0039794 - MP.0039795

344. *Vụn ký ức:* Truyện dài/ *Yang Phan.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 154tr.; 20cm.

895.92234 V512K/M.0180400 - M.0180401; MP.0039868 - MP.0039869

345. *Xóm Ga-ra:* Truyện ký/ *Vũ Hưng, Lê Hoài.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 199tr.; 19cm.

895.9228403 X430G/LC.0016637 - LC.0016638; M.0180460 - M.0180461; MP.0039955 - MP.0039956

346. *Yêu là những cuộc chia tay không hồi kết/ Điền Viên; Thanh Lam dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 269tr.; 21cm.

895.18608 Y606L/M.0180628 - M.0180629; MP.0040104 - MP.0040105

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

347. *Bí mật trong bóng tối/ Quốc Phong*. - H.: Dân trí, 2022. - 251tr.; 21cm.

909 B300M/M.0180714 - M.0180715; MP.0040187 - MP.0040188

348. *Brigitte Macron - Phu nhân Tổng thống Pháp, người phụ nữ tự do*: Phu nhân Tổng thống Pháp, người phụ nữ tự do/ *Maelle Brun; Nguyễn Thị Tươi dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 247tr.; 21cm.

944.092 Br309M/M.0180784 - M.0180785; MP.0040240 - MP.0040241; VN.0083588 - VN.0083589

349. *Những quái nữ trong lịch sử*: 100 bóng hồng "không phải dạng vừa" thay đổi thế giới/ *Ann Shen; Ngô Hà Thu dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 211tr.; 23cm.

920.72 Nh556Q/M.0180778 - M.0180779; MP.0040234 - MP.0040235

350. *Phẩm Tam Quốc/ Dịch Trung Thiên; Ng.dịch: Vinh Chi, Tổ Hình*. - H.: Dân trí, 2022. - 683tr.; 24cm.

931.04 Ph120T/M.0181263 - M.0181264

351. *Lịch sử thế giới/ Nguyễn Hiến Lê, Thiên Giang*. - H.: Hồng Đức, 2022. - 512tr.; 24cm.

909 L302S/M.0181309 - M.0181310; VV.0019465 - VV.0019466

352. *Thế giới đương đại/ Richard Hass; Hoàng Long dịch*. - H.: Dân trí, 2021. - 426tr.; 24cm.

909.8 Th250G/M.0181173 - M.0181174; VV.0019401 - VV.0019402

950 – Lịch sử châu Á

959 – Đông Nam Á

353. Chiến thắng "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không 1972": Sức mạnh Việt Nam và tầm vóc thời đại. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 1214tr.; 27cm.

959.704331 Ch305T/VV.0019289

354. Chiến thắng Tây Bắc 1952: Tầm vóc lịch sử và bài học kinh nghiệm. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 798tr.; 27cm.

959.7041 Ch305T/VV.0019290

355. Chuyện hay trong lịch sử Việt Nam/ Lê Thái Dũng. - H.: Hồng Đức, 2021. - 219tr.; 21cm.

959.7 Ch527H/M.0180526 - M.0180527; MP.0040002 - MP.0040003; VN.0083600 - VN.0083601

356. Cộng hòa Indonesia giải quyết xung đột sắc tộc, tôn giáo nhằm củng cố và bảo vệ độc lập dân tộc giai đoạn 1991 - 2015: Luận án tiến sĩ Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc: 62220312/ *Trần Văn An*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 165tr.; 30cm + + Phụ lục

959.8 C455H/LV.00010167

357. Đại Nam thực lục/ Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch. - Tái bản lần 2. - H.: Nxb. Hà Nội, 2022; 24cm.

T.1. - 1068tr.

959.7029 Đ103N/VV.0019221 - VV.0019222

T.2. - 1000tr.

959.7029 Đ103N/VV.0019219 - VV.0019220

T.3. - 1036tr.

959.7029 Đ103N/VV.0019217 - VV.0019218

T.4. - 1133tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019215 - VV.0019216

T.5. - 937tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019213 - VV.0019214

T.6. - 1141tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019211 - VV.0019212

T.7. - 1551tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019209 - VV.0019210

T.8. - 669tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019207 - VV.0019208

T.9. - 504tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019205 - VV.0019206

T.10. - 195tr.
959.7029 Đ103N/VV.0019203 - VV.0019204

358. *Đế Vương ngoại truyện:* Chuyện ngoài chính sử/ *Lê Thái Dũng biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 195tr.; 21cm.

959.70099 Đ250V/M.0180530 - M.0180531; MP.0040006 - MP.0040007; VN.0083596 - VN.0083597

359. *Đường mòn Hồ Chí Minh - Con đường của huyền thoại.* - H.: Dân trí, 2022. - 195tr.; 21cm.

959.704 Đ561M/M.0181245 - M.0181246; MP.0040480 - MP.0040481; VN.0083712 - VN.0083713

360. *Hào khí Đông A tỏa sáng/ Trần Văn Nhượng.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 467tr.; 24cm.

959.7024 H108K/M.0181020 - M.0181021; MP.0040431; VV.0019379 - VV.0019380

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

01. Chiến lược "Diễn biến hòa bình" - nhận diện và đấu tranh. - H.: Quân đội nhân dân; 21cm

Chiến lược "diễn biến hòa bình" ra đời vào thời kỳ chiến tranh lạnh trong bối cảnh quốc tế đang biến động phức tạp. Từ đó đến nay, chiến lược này liên tục được chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động điều chỉnh, bổ sung trở thành một chiến lược tổng hợp, dùng biện pháp "phi vũ trang" là chủ yếu nhằm chống phá, tiến tới lật đổ chế độ chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Nhận rõ sự nguy hại của chiến lược "diễn biến hòa bình", một số bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí còn có những biểu hiện mơ hồ, thiếu cảnh giác; Chưa nhận rõ âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, cũng như tính chất quyết liệt, gay go, phức tạp; Khó phân định ranh giới đâu là "diễn biến", đâu là "tự diễn biến" để có biện pháp đấu tranh phù hợp, hiệu quả.

Để hiểu rõ hơn về "diễn biến hòa bình" và những cách thức phòng chống "diễn biến", "tự diễn biến" trong giai đoạn hiện nay, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân phối hợp với Báo Quân đội nhân dân xuất bản bộ sách ***Chiến lược "diễn biến hòa bình" - Nhận diện và đấu tranh***. Bộ sách tập hợp nhiều bài báo đã đăng tải trong chuyên mục: Làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình" và phòng chống "diễn biến hòa bình" của Báo Quân đội nhân dân (có biên tập, chỉnh sửa), nhằm giúp bạn đọc có thêm cách tiếp cận về "diễn biến hòa bình" và cách phòng, chống.

T.1, 2011. - 318tr.

320.4597/LC 11634 - LC 11635

T.2, 2012. - 214tr.

320.4597/LC 11917 - LC 11918

T.4, 2014. - 215tr.

320.4597/LC 12751 - LC 12752

T.5, 2015. - 279tr.

320.4597/LC 13359 - LC 13360
 T.6, 2016. - 235tr.
320.4597/M 165298 - M 165299 - M 165300
 T.7, 2017. - 246tr.
320.4597/M 166714 - M 166715 - M 166716
 T.8, 2018. - 198tr.
320.4597/320.4597/.0079406 - .0079407; LC.0014751 -
LC.0014752; M.0169347 - M.0169348 - M.0169349
 T.9, 2019. - 223tr.
320.4597/M.173280 - M.173281 - M.173282; VN.0080519 -
VN.0080520
 T.10, 2020. - 246tr.
320.4597 Ch305L/LC.0015139 - LC.0015140
 T.11, 2021. - 202tr.
320.4597 Ch305L/M.0177591 - M.0177592;
MP.0037500; VN.0082192 - VN.0082193
 T.12, 2022. - 243tr.
320.4597 Ch305L/LC.0016616 - LC.0016617;
M.0180442 - M.0180443; MP.0039936; VN.0083419 -
VN.0083420

02. Văn hóa biển, đảo qua tín ngưỡng và lễ hội truyền
thống Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn. - H.: Dân trí, 2020. -
219tr.; 21cm.

390.09597 V115H/M.0180524 - M.0180525;
MP.0040000 - MP.0040001; VN.0083467 - VN.0083468

Việt Nam là quốc gia ven biển, có bờ biển dài trên 3.260km với hàng nghìn đảo lớn nhỏ, phân bố đều khắp đất nước. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, biển đảo luôn có vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt, là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, vừa khởi tạo không gian sinh tồn, đồng thời bồi đắp không gian văn hóa rất khoáng đạt, phong phú và đặc

sắc. Văn hóa biển đảo là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam, thống nhất trong đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc, tồn tại mãnh liệt trong tâm thức người Việt. Trong văn hóa biển đảo, nhiều tín ngưỡng và lễ hội dân gian độc đáo được ghi dấu, lưu giữ, trao truyền, phát triển đến ngày nay, trở thành nét đẹp truyền thống, đặc trưng của người dân miền biển.

Sách được chia làm ba chương:

Chương 1: Những nét chính về biển, đảo trong văn hóa Việt Nam

Giới thiệu những nét chính, khái quát nhất về văn hóa biển đảo qua dấu tích khảo cổ học; yếu tố biển đảo gắn liền từ thời lập quốc của người Việt; qua nền ẩm thực dân gian, qua các hoạt động giao thương đường biển...

Chương 2: Văn hóa biển, đảo qua tín ngưỡng Việt Nam

Khái quát đôi nét về văn hóa biển, đảo qua tín ngưỡng dân gian và một số tục thờ phụng mang yếu tố biển đảo như tục thờ Lạc Long Quân, tục thờ cúng thần biển, tục thờ Long Vương, tục thờ cá Voi... Điều này được thể hiện rõ qua hệ thống cơ sở thờ tự liên quan tới biển có rất nhiều, đậm đặc nhất là ở các vùng ven biển với nhiều đền thờ, am, miếu lớn nhỏ trải khắp từ trong Nam ra Bắc.

Chương 3: Văn hóa biển, đảo qua lễ hội truyền thống Việt Nam

Khám phá một số lễ hội tiêu biểu của 27 tỉnh, thành phố ven biển Việt Nam, hầu hết các lễ hội đều bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Lễ hội được hiểu là một sự kiện văn hóa được tổ chức mang tính cộng đồng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Lễ hội xuất hiện khắp mọi nơi trên cả nước nhưng lễ hội ở các địa phương vùng biển Việt Nam vừa độc đáo, đặc sắc vừa mang đậm hơi thở cuộc sống của người dân vùng biển.

03. Vì sao chuyển đổi số thất bại = Why digital transformations fail/ Tony Saldanha; Trần Quốc Hùng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 297tr.; 23cm.

**658.40380285 V300S/M.0181024 - M.0181025;
MP.0040433; VV.0019383 - VV.0019384**

Chuyển đổi số đang ngày càng trở nên quan trọng trong tất cả các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống. Tuy nhiên không phải bất cứ ai cũng nhận thức đầy đủ về sự cấp bách của việc chuyển đổi số, và quan tâm tới việc đánh bại các tỷ lệ thành công ảm đạm của chủ đề này. Cuốn sách “*Vì sao chuyển đổi số thất bại = Why digital transformations fail*” giúp bạn đọc thiết lập chính xác mục tiêu cuối cùng của việc chuyển đổi số, là khi kỹ thuật số được “DNA hóa” trong tổ chức bạn. Ngoài ra, nó sẽ cung cấp cho bạn cách tiếp cận danh sách kiểm tra có kỷ luật để đến được cái đích đó một cách chính xác.

Cấu trúc cuốn sách phỏng theo mô hình 5 giai đoạn trưởng thành để chuyển đổi số:

Phần I: Chuyển đổi số thất bại là do đâu và phải làm gì với điều đó

Nói về bối cảnh chung, đầu tiên là sự mô tả về những tình huống khó xử mà Dịch vụ Kinh doanh Toàn cầu (GBS) của P&C đã phải đối mặt để thúc đẩy việc chuyển đổi số không ngừng, kể đến là việc giới thiệu mô hình 5 giai đoạn chuyển đổi số và các bước kiểm tra cụ thể để mang lại thành công.

Phần II: Năm giai đoạn chuyển đổi số

Khám phá chi tiết của 5 giai đoạn chuyển đổi số. Giai đoạn đầu tiên là nền tảng, giai đoạn thứ hai, phân tách. Giai đoạn thứ ba, đồng bộ hóa từng phần. Giai đoạn thứ bốn, đồng bộ hóa hoàn toàn. Giai đoạn cuối cùng là DNA hóa: Mỗi giai đoạn có 2 chương mô tả 2 nguyên tắc cần thiết quan trọng nhất để thành công.

Phần III: Thành công với chuyển đổi số

Trình bày cách làm thế nào để giải quyết mối đe dọa từ Cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư, một cách có hệ thống.

MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
PHẦN I	DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI	4
000 -	Tổng quát	4
100 -	Triết học và tâm lý học.....	5
200 -	Tôn giáo.....	7
300 -	Khoa học xã hội.....	8
350 -	Hành chính công và khoa học quân sự	26
400 -	Ngôn ngữ.....	42
600 -	Công nghệ.....	42
700 -	Nghệ thuật và giải trí.....	48
800 -	Văn học.....	50
900 -	Lịch sử và địa lý.....	61
PHẦN II	ĐIỂM SÁCH	64
1.	Chiến lược "Diễn biến hòa bình" - nhận diện và đấu tranh	64
2.	Văn hóa biển, đảo qua tín ngưỡng và lễ hội truyền thống Việt Nam	65
3.	Vì sao chuyển đổi số thất bại = Why digital transformations fall	67